



B N TIN NGHI P V THÁNG 01 N M 2019

A. V N B N PHÁP QUY M I BAN HÀNH

) CHÍNH PH

1. Ngh nh s 05/2019/N -CP ngày 22 tháng 01 n m 2019

V ki m toán n i b

- Ngh nh này quy nh v công tác ki m toán n i b trong các c quan nhà n c, n v s nghi p công l p và các doanh nghi p.
- i v i các i t ng mà pháp lu t chuyên ngành có quy nh ph i th c hi n công tác ki m toán n i b thì th c hi n theo pháp lu t chuyên ngành. Nh ng n i dung mà pháp lu t chuyên ngành không có quy nh thì v n d ng theo quy nh t i Ngh nh này th c hi n công tác ki m toán n i b .

Ngh nh này có hi u l c thi hành t ngày 01 tháng 4 n m 2019.

) B TÀI CHÍNH

2. V n b n h p nh t s 02/VBHN-BTC ngày 14 tháng 01 n m 2019

Ngh nh quy nh chi tí t m t s i u c a Lu tk toán

- Ngh nh này quy nh chi tí t m t s i u c a Lu tk toán v n i dung công tác k toán, t ch c b máy k toán và ng i làm k toán, ho t ng kinh doanh d ch v k toán, cung c p d ch v k toán qua biên gi i và t ch c ngh nghi p v k toán.
- V n b n này c h p nh t t 02 Ngh nh sau: Ngh nh s 174/2016/N -CP ngày 30 tháng 12 n m 2016 c a Chính ph quy nh chi tí t m t s i u c a Lu tk toán, có hi u l c k t ngày 01 tháng 01 n m 2017; Ngh nh s 151/2018/N -CP ngày 07 tháng 11 n m 2018 c a Chính ph s a i, b sung m t s Ngh nh quy nh v i u ki n u t , kinh doanh thu c ph m vi qu n lý nhà n c c a B Tài chính, có hi u l c k t ngày 07 tháng 11 n m 2018.

Ngh nh này có hi u l c thi hành t ngày ký ban hành.

3. Thông t s 07/2019/TT-BTC ngày 28 tháng 01 n m 2019

S a i, b sung m t s i u c a Thông t s 72/2015/TT-BTC ngày 12 tháng 5 n m 2015 c a B tr ng B Tài chính quy nh áp đ ng ch u tiên trong vi c th c hi n th t c h i quan, ki m tra, giám sát h i quan i v i hàng hoá xu t kh u, nh p kh u c a doanh nghi p

S a i, b sung m t s i u: i u 6, kho n 3 i u 7, i u 8. Ki m tra chuyên ngành, i u 9. Th t c v thu , i u 19, i u 20a, i u 23, i u 25, kho n 3 và kho n 7 i u 26; S a i m u 02a/DNUT, m u 03/DNUT, m u 04/DNUT, m u 05/DNUT, m u 06/DNUT; B sung m u 03a/DNUT; B c m t “ph i c th c hi n b ng máy soi” t i kho n 2 i u 5, B i b kho n 5 i u 7.

Thông t này có hi u l c thi hành k t ngày 28/01/2019.



B. CÔNG VIỆC NHẬN NGƯỜI - TRƯỜNG

1) TÊN CÔNG THỤ

4. S 50/TCT-KK ngày 04 tháng 01 năm 2019

V/v hoàn nhập thuế

- Trường hợp người nộp thuế (NNT) có nghĩa hoàn kho nộp thuế NSNN nộp thuế, cơ quan thuế (CQT) quản lý trực tiếp người nộp thuế có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ và ghi ý quy tắc hoàn nhập thuế nộp thuế NSNN.
- Theo đó, CQT quản lý trực tiếp NNT phải hình thành và nộp vào CQT quản lý kho nộp thuế NSNN xác nhận nộp thuế, số hoàn, số bù trừ thuế NSNN khi hoàn trả nộp thuế, Kho bạc Nhà nước (KBNN) hạch toán kho nộp thuế NSNN số hoàn trả; lập xuất hoàn, ban hành quy tắc hoàn và lệnh hoàn; chuyển quy tắc hoàn, lệnh hoàn sang KBNN để lập vào CQT quản lý trực tiếp NNT.

5. S 53/TCT-CS ngày 05 tháng 01 năm 2019

V/v miễn tiền thuê đất trong thời gian xây dựng công trình

Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu VIDIFI Duyên Hải của Nhà nước cho thuê đất để xây dựng (Quy tắc cho thuê đất số 1390/Q-UBND ngày 30/6/2014) từ ngày 01/7/2014 đến ngày 01/7/2014 miễn nộp thuế tiền thuê đất trong thời gian xây dựng công trình (thời gian miễn nộp thuế ngày 12/10/2015) và thành phố Hồ Chí Minh, thời gian miễn nộp thuế tuân thủ quy định của Công văn số 7810/BTC-QLCS ngày 12/6/2015 của Bộ Tài chính, Nghị định số 135/2016/N-CP ngày 09/9/2016 của Chính phủ (từ ngày 01/01/2017) thì cần xem xét việc miễn tiền thuê đất trong thời gian xây dựng công trình như thế nào không quá 03 năm kể từ ngày có Quy tắc cho thuê đất hoặc thời gian bàn giao đất theo quy định của Mục 1.2 công văn số 7810/BTC-QLCS ngày 12/6/2015 và Khoản 7 Điều 8 Thông tư số 333/2016/TT-BTC ngày 26/12/2016 của Bộ Tài chính.

6. S 85/TCT-QLN ngày 07 tháng 01 năm 2019

V/v xử lý thu tiền thuế do thuế, cá nhân khác nộp

Trường hợp khoản phí thu phát sinh từ Hợp đồng thi công xây dựng số 62/2009/H-KH ngày 4/11/2009 của ký kết giữa Công ty VNECO 6 và Ban QLDA 1 liên tỉnh TP. HCM theo Hợp đồng thanh toán số 003/2012/H-TC ngày 5/11/2012 giữa Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại VNECO6 và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh Hải Vân là tài sản bảo đảm của khoản vay quy định tại Điều 4 Nghị quyết số 42/2017/QH14 ngày 21 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội về thí điểm xử lý nợ xấu của các tổ chức tín dụng thì cần ưu tiên thanh toán cho ngân hàng (khoản vay) bên Ngân hàng rồi mới thanh toán số tiền bên cơ quan thuế theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết số 42/2017/QH14 nêu trên.

7. S 335/TCT-CS ngày 29 tháng 1 năm 2019

V/v chính sách thuế

Thuế GTGT vào các hàng hóa, dịch vụ (kể cả tài sản cũ) sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế và không chịu thuế GTGT thì chịu thuế GTGT vào các hàng hóa, dịch vụ dùng cho sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT. Các kinh doanh phải hạch toán riêng thuế GTGT vào các khoản và không kê khai; trường hợp không hạch toán riêng thì thuế vào các khoản tính theo tỷ lệ (%) giữa doanh thu chịu thuế GTGT so với tổng doanh thu



c a hàng hoá, d ch v bán ra không h ch toán riêng c. Thu xu t kh u là thu gián thu, không n m trong c c u doanh thu c a doanh nghi p.

8. S 337/TCT-CS ngày 29 tháng 1 n m 2019

V/v thu GTGT

- Công ty bán s n ph m nông nghi p ch a ch bi n thành các s n ph m khác ho c ch qua s ch thông th ng cho doanh nghi p, h p tác xã khâu kinh doanh th ng m i thì thu c i t ng không ph i kê khai, tính n p thu GTGT theo h ng d n t i kho n 5 i u 5 Thông t s 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 c a B Tài chính. Thu GTGT u vào s đ ng cho các ho t ng, bán hàng hoá, d ch v không ph i kê khai, tính n p thu GTGT c kê khai, kh u tr theo quy nh t i kho n 11 i u 14 Thông t s 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 c a B Tài chính.
- i v i s thu GTGT u vào ch a c kh u tr h t trong k tính thu , Công ty th c hi n kh u tr vào k t i p theo quy nh t i Lu t s 106/2016/QH13 ngày 06/4/2016, Ngh nh s 100/2016/N -CP ngày 01/7/2016 c a Chính ph và Thông t s 130/2016/TT-BTC ngày 12/8/2016 c a B Tài Chính.

9. S 339/TCT-DNL ngày 29 tháng 1 n m 2019

V/v: H ng d n th c hi n hoá n i n t

- Trong th i gian t ngày 01/11/2018 n ngày 31/10/2020, Ngh nh s 51/2010/N -CP và Ngh nh s 04/2014/N -CP còn hi u l c thi hành. Theo ó, trong th i gian nêu trên, tr ng h p B o hi m PVI ã ng ký s đ ng và phát hành H T tr c khi Ngh nh s 119/2018/N -CP có hi u l c thi hành thì c ti p t c s đ ng, n v có th ng th i t o nhi u hình th c hoá n khác nhau (hoá n t in, hoá n t in, hoá n i n t) và ph i th c hi n thông báo phát hành t ng hình th c hoá n theo quy nh.
- Khi tri n khai H T theo Ngh nh s 119/2018/N -CP, doanh nghi p ph i l p hoá n i n t (có mã ho c không có mã c a c quan thu) giao cho ng i mua i v i t t c các giao d ch bán hàng hoá, d ch v không phân bi t giá tr t ng l n bán hàng hoá, d ch v ..

10. S 336/TCT-CS ngày 29 tháng 1 n m 2019

V/v thu GTGT, TNDN

Khi bán hàng hoá, cung c p d ch v thì ng i bán ph i l p hoá n giao cho ng i mua theo quy nh. C s kinh doanh c kê khai, kh u tr thu GTGT u vào c a hàng hoá, d ch v s đ ng cho ho t ng s n xu t, kinh doanh hàng hoá, d ch v ch u thu GTGT và c tính vào chi phí c tr khi xác nh thu TNDN khi có hoá n GTGT mua hàng hoá, d ch v và ch ng t thanh toán không dùng ti n m t theo quy nh. Tr ng h p, c s kinh doanh không có hoá n GTGT mua hàng hoá, d ch v theo quy nh thì không c kê khai, kh u tr thu GTGT và không c tính vào chi phí c tr khi xác nh thu TNDN.

11. S 332/TCT-CS ngày 29 tháng 1 n m 2019

V/v hoàn thu GTGT

Tr ng h p c s kinh doanh trong tháng, quý có hàng hoá, d ch v xu t kh u và có s thu giá tr gia t ng u vào ph c v ho t ng xu t kh u ch a c kh u tr t ba tr m tri u ng tr lên thì c xem xét hoàn thu giá tr gia t ng theo tháng, quý n u i u ki n và th t c v kh u tr , hoàn thu theo quy nh.



2019 年 01 月稅務新知

A. 新法律文件

） 政府

1. 2019 年 01 月 22 日第 05/2019/N -CP 號法令

內部審計

- 該法令規定了國家機構，公立事業單位和企業的內部審計工作。
- 對於專門法律要求內部審計工作的主體，應適用專門法律。不受專門法律管轄的內容，應當依照本法令的規定進行內部審計。

該法令自 2019 年 04 月 01 日起生效。

） 財政部

2. 2019 年 01 月 14 日第 02/VBHN-BTC 號合併文件

該法令細節規定了會計法的若干條款

- 本法令細節規定了會計法的若干條款，關於會計工作的內容，會計機構和會計師的組織，提供會計服務的業務，提供跨國會計服務和會計專業組織。
- 本文件包含在以下兩項法令中：政府 2016 年 12 月 30 日第 174/2016/ND-CP 號法令，詳細規定了會計法的若干條款，自 2017 年 01 月 01 日起生效；政府於 2018 年 11 月 07 日頒布的第 151/2018/ND-CP 號法令，修訂和補充了一系列在財政部國家管理範圍內提供投資和商業條件的法令，自 2018 年 11 月 07 日起生效。

本法令自簽署之日起生效。

3. 2019 年 01 月 28 日第 07/2019/TT-BTC 號通知

修訂和補充財政部長 2015 年 05 月 12 日第 72/2015/TT-BTC 號通知，關於適用優先制度在實施海關手續，對企業進出口貨物方面的海關檢查和監督

修改和補充若干條款：第 6 條，第 7 條第 3 款，第 8 條。專門檢查，第 9 條。稅務程序，第 19 條，第 20a 條，第 23 條，第 25 條第 3 款和第 26 條第 7 款；修改第 02a/DNUT 號表格，第 03/DNUT 號表格，第 04/DNUT 號表格，第 05/DNUT 號表格，第 06/DNUT 號表格；補充第 03a/DNUT 號表格；刪除第 5 條第 2 款和第 7 條第 5 款中的“必須使用掃描儀”。

本通知自 2019 年 01 月 28 日起生效。

B. 指導-回復文書

稅務總局

4. 2019年01月04日第50/TCT-KK號通知

退回多繳額

- 如果納稅人提議退還超額支付國家預算的款項，直接管理納稅人的稅務機構有責任接收檔案並解決超額支付國家預算的程序。
- 因此，直接管理納稅人的稅務機構將與國家預算收入管理機關配合，以確定多付的金額，退還的金額，國家預算收入的補償金額，國庫已經預算國家預算收入的償還額；編制退款建議，頒布退款決定和退款令；將退款決定和退款令轉交給與直接管理納稅人稅務機關同級的國庫。

5. 2019年01月05日第53/TCT-CS號

基本建設期間中免徵土地租金

VIDIFI Duyen Hai Investment Joint Stock Company 已從國家租賃土地，以在2014年07月01日之前實施該項目（2014年06月30日土地租賃決定第1390/Q-UBND），但2014年07月01日之後才提交基本建設期間中免徵土地租金的申請檔案文件（2015年10月12日提交申請），並檔案組件和提交時間都遵守規定依據財政部2015年06月12日第7810/BTC-QLCS號公文，政府2016年09月09日第135/2016/ND-CP號法令（2017年01月01日前），將得考慮在基本建設期間免徵地租租金，但不得超過03年自得到土地租賃決定日期或實際土地移交時間起，根據2015年06月12日第7810/BTC-QLCS號公文第1.2節b點和財政部2016年12月26日第333/2016/TT-BTC號通知第8條第7款的規定。

6. 2019年01月07日第85/TCT-QLN號

處理由其他組織和個人持有的稅收債務

如果從VNECO 6公司與胡志明市電網項目管理單位簽署的2009年11月4日第62/2009/HD-KH號建築合同（根據VNECO6電氣建設股份公司與BIDV銀行海雲分行簽署的2012年11月05日第003/2012/HDTC號抵押合同）產生的應收款是壞賬的擔保資產依據國會2017年06月21日第42/2017/QH14號決議第4條規定關於試點處理信用機構壞賬，將應優先考慮向銀行支付債務（貸款），然後才支付稅務機關的欠款依據上述第42/2017/QH14號決議第12條的規定。

7. 2019年01月29日第335/TCT-CS號

稅務政策

同時用於生產經營應稅和不應稅商品-服務的商品-服務（包括固定資產）的進項增值稅，僅扣除用於生產經營應稅商品-服務的進項增值稅。商業機構必須單獨核算可扣除和不可扣除的進項增值稅；如果未能單獨核算，可抵扣進項

稅應按應稅銷售額與不能單獨計算的銷售商品和服務總收入之間的比例（%）計算。出口稅是間接稅，而不是企業的收入結構。

8. 2019年01月29日第337/TCT-CS號 增值稅

- 為企業和合作社進行銷售尚未加工成其他產品或初步加工的農產品的公司不需要進行增值稅申報和計算依據財務部 2013 年 12 月 31 日第 219/2013/TT-BTC 號通知第 5 條第 5 款的指導。用於活動和銷售商品和服務的進項增值稅將申報和扣除根據財政部 2013 年 12 月 31 日第 219/2013/TT-BTC 號通知第 14 條第 11 款的規定。
- 對於未在納稅期內完全扣除的進項增值稅，公司在下一期繼續扣除根據 2016 年 04 月 06 日第 106/2016/QH13 號法律，政府 2016 年 07 月 01 日 100/2016/N -CP 號法令和財政部 2016 年 08 月 12 日第 130/2016/TT-BTC 號通知。

9. 2019年01月29日第339/TCT-DNL號 實施電子發票的說明

- 在 2018 年 11 月 01 日至 2020 年 10 月 31 日期間，第 51/2010/N -CP 號法令和第 04/2014/N -CP 號法令仍然有效。因此，在上述期間，如果 PVI 保險在第 119/2018/N -CP 號法令生效前已註冊使用並發行電子發票，則可以繼續使用，單位可以同時創建不同形式的發票（自行打印發票，訂購發票，電子發票），並必須按規定公佈發行每種發票形式。
- 根據第 119/2018/N -CP 號法令部署電子發票時，企業必須製作電子發票（具有或沒有稅務機關代碼）給買方，對於所有商品和服務銷售交易，無論每件商品或服務的銷售價值。

10. 2019年01月29日第336/TCT-CS號 增值稅和企業所得稅

在銷售商品或提供服務時，賣方必須按照規定向買方開具發票。商業機構可以申報並扣除用於生產和貿易應稅商品和服務的進項增值稅，並在確定 CIT 時列為可扣除的費用，若購買商品和服務時有增值稅發票及有非現金支付的憑證。如果商業機構沒有增值稅發票，將不得申報和扣除增值稅，並且在確定 CIT 時不應包括在可扣除的費用中。

11. 2019年01月29日第332/TCT-CS號 增值稅退稅

如果商業機構在一個月或一個季度中有發生出口商品和服務，並服務出口活動的進項增值稅超過 3 個億未扣除金額，則應考慮退還。如果符合扣稅和退稅的所有條件和程序，則按月和季度退回增值稅。

